

VINAYAPIṬAKE
MAHĀVAGGAPĀḶI

PAṬHAMO BHĀGO

&

TẠNG LUẬT
ĐẠI PHẨM

TẬP MỘT

1. Tena kho pana samayena antevāsikā ācariyesu na sammā vattanti. Bhagavato etamatthaṃ ārocesuṃ. “Na bhikkhave, antevāsikena ācariyamhi na sammā vattitabbaṃ. Yo na sammā vatteyya, āpatti dukkaṭassā ”ti. Neva sammā vattanti. Bhagavato etamatthaṃ ārocesuṃ. “Anujānāmi bhikkhave, asammāvattantaṃ panāmetuṃ. Evañca pana bhikkhave, panāmetabbo: ‘Panāmemi tan ’ti vā ‘Mā idha paṭikkamī ’ti vā ‘Nīhara te pattacīvaran ’ti vā ‘Nāhaṃ tayā upaṭṭhātabbo ’ti vā kāyena viññāpeti, vācāya viññāpeti, kāyena vācāya viññāpeti, panāmito hoti antevāsiko. Na kāyena viññāpeti, na vācāya viññāpeti, na kāyena vācāya viññāpeti, na panāmito hoti antevāsiko ”ti.

2. Tena kho pana samayena antevāsikā panāmitā na khamāpentī. Bhagavato etamatthaṃ ārocesuṃ. “Anujānāmi bhikkhave, khamāpetun ”ti. Neva khamāpentī. Bhagavato etamatthaṃ ārocesuṃ. “Na bhikkhave, panāmitena na khamāpetabbo. Yo na khamāpeyya, āpatti dukkaṭassā ”ti.

3. Tena kho pana samayena ācariyā khamāpiyamānā na khamanti. Bhagavato etamatthaṃ ārocesuṃ. “Anujānāmi bhikkhave, khamitun ”ti. Neva khamanti. Antevāsikā pakkamantipi vibbhamantipi titthiyesupi saṅkamanti. Bhagavato etamatthaṃ ārocesuṃ. “Na bhikkhave, khamāpiyamānena na khamitabbaṃ. Yo na khameyya, āpatti dukkaṭassā ”ti.

4. Tena kho pana samayena ācariyā sammāvattantaṃ panāmenti, asammāvattantaṃ na panāmenti. Bhagavato etamatthaṃ ārocesuṃ. “Na bhikkhave, sammāvattanto panāmetabbo. Yo panāmeyya, āpatti dukkaṭassa. Na ca bhikkhave, asammāvattanto na panāmetabbo. Yo na panāmeyya, āpatti dukkaṭassā ”ti.

5. Pañcahi bhikkhave, aṅgehi samannāgato antevāsiko panāmetabbo: Ācariyamhi nādhimattaṃ pemaṃ hoti, nādhimatto pasādo hoti, nādhimattā hiri hoti, nādhimatto gāravo hoti, nādhimattā bhāvanā hoti. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgato antevāsiko panāmetabbo.

6. Pañcahi bhikkhave, aṅgehi samannāgato antevāsiko na panāmetabbo: Ācariyamhi adhimattaṃ pemaṃ hoti, adhimatto pasādo hoti, adhimattā hiri hoti, adhimatto gāravo hoti, adhimattā bhāvanā hoti. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgato antevāsiko na panāmetabbo.

7. Pañcahi bhikkhave, aṅgehi samannāgato antevāsiko alaṃ panāmetuṃ: Ācariyamhi nādhimattaṃ pemaṃ hoti, nādhimatto pasādo hoti, nādhimattā hiri hoti, nādhimatto gāravo hoti, nādhimattā bhāvanā hoti. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgato antevāsiko alaṃ panāmetuṃ.

1. Vào lúc bấy giờ, các người học trò không thực hành bốn phạm đúng dẫn đối với các vị thầy dạy học. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, người học trò nên thực hành bốn phạm đúng dẫn đối với các vị thầy dạy học; vị nào không thực hành đúng dẫn thì phạm tội *dukkata*.” (Các người học trò) vẫn không thực hành phạm sự đúng dẫn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép đuổi đi người (học trò) không thực hành phạm sự đúng dẫn. Và này các tỳ khưu, nên đuổi đi như vậy: ‘Ta đuổi người đi,’ hay là ‘Đừng có quay trở lại đây,’ hay là ‘Hãy đem đi y bát của người,’ hay là ‘Ta không giúp đỡ người nữa.’ (Nếu) vị (thầy dạy học) bày tỏ bằng thân, bày tỏ bằng lời nói, bày tỏ bằng thân và lời nói, thì người học trò đã bị đuổi đi. (Nếu) vị ấy không bày tỏ bằng thân, không bày tỏ bằng lời nói, không bày tỏ bằng thân và lời nói, thì người học trò không bị đuổi đi.”

2. Vào lúc bấy giờ, những người học trò bị đuổi đi không xin lỗi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép xin lỗi.” Các người (học trò) vẫn không xin lỗi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, người (học trò) bị đuổi đi không nên không xin lỗi; vị nào không xin lỗi thì phạm tội *dukkata*.”

3. Vào lúc bấy giờ, trong khi được xin lỗi các vị thầy dạy học không tha thứ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép tha thứ.” Các vị (thầy dạy học) vẫn không tha thứ. Những người học trò rời đi, (hoặc) hoàn tục, (hoặc) theo ngoại đạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, trong khi được xin lỗi không nên không tha thứ; vị nào không tha thứ thì phạm tội *dukkata*.”

4. Vào lúc bấy giờ, các vị thầy dạy học đuổi đi những người (học trò) thực hành phạm sự đúng dẫn, không đuổi đi những người (học trò) không thực hành phạm sự đúng dẫn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên đuổi đi người (học trò) thực hành phạm sự đúng dẫn; vị nào đuổi đi thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, không nên không đuổi đi người (học trò) không thực hành phạm sự đúng dẫn; vị nào không đuổi đi thì phạm tội *dukkata*.”

5. Này các tỳ khưu, nên đuổi đi người học trò có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều đức tin, không có nhiều nỗ lực, không có nhiều kính trọng, (và) không có nhiều sự rèn luyện. Này các tỳ khưu, nên đuổi đi người học trò có năm yếu tố này.

6. Này các tỳ khưu, không nên đuổi đi người học trò có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học có nhiều lòng yêu mến, có nhiều đức tin, có nhiều nỗ lực, có nhiều kính trọng, (và) có nhiều sự rèn luyện. Này các tỳ khưu, không nên đuổi đi người học trò có năm yếu tố này.

7. Này các tỳ khưu, người học trò là đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều đức tin, không có nhiều nỗ lực, không có nhiều kính trọng, (và) không có nhiều sự rèn luyện. Này các tỳ khưu, người học trò là đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố này.

8. Pañcahi bhikkhave, aṅgehi samannāgato antevāsiko nālaṃ panāmetuṃ: Ācariyamhi adhimattaṃ pemaṃ hoti, adhimatto pasādo hoti, adhimattā hiri hoti, adhimatto gāravo hoti, adhimattā bhāvanā hoti. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgato antevāsiko nālaṃ panāmetuṃ.

9. Pañcahi bhikkhave, aṅgehi samannāgataṃ antevāsikaṃ apanāmento ācariyo sātisāro hoti, panāmento anatisāro hoti: Ācariyamhi nādhimattaṃ pemaṃ hoti, nādhimatto pasādo hoti, nādhimattā hiri hoti, nādhimatto gāravo hoti, nādhimattā bhāvanā hoti. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgataṃ antevāsikaṃ apanāmento ācariyo sātisāro hoti, panāmento anatisāro hoti

10. Pañcahi bhikkhave, aṅgehi samannāgataṃ antevāsikaṃ panāmento ācariyo sātisāro hoti, apanāmento anatisāro hoti: Ācariyamhi adhimattaṃ pemaṃ hoti, adhimatto pasādo hoti, adhimattā hiri hoti, adhimatto gāravo hoti, adhimattā bhāvanā hoti. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgataṃ antevāsikaṃ panāmento ācariyo sātisāro hoti, apanāmento anatisāro hoti”ti.

11. Tena kho pana samayena bhikkhū ‘dasavassamha, dasavassamhā ’ti bālā abyattā nissayaṃ denti. Dissanti ācariyā bālā, antevāsikā paṇḍitā. Dissanti ācariyā abyattā, antevāsikā byattā. Dissanti ācariyā appassutā, antevāsikā bahussutā. Dissanti ācariyā duppaññā, antevāsikā paññāvanto.

12. Ye te bhikkhū appicchā, —pe— te ujjhāyanti khīyanti vipācenti: “Kathaṃ hi nāma bhikkhū ‘dasavassamha, dasavassamhā ’ti bālā abyattā nissayaṃ dassanti? Dissanti ācariyā bālā, antevāsikā paṇḍitā. Dissanti ācariyā abyattā, antevāsikā byattā. Dissanti ācariyā appassutā, antevāsikā bahussutā. Dissanti ācariyā duppaññā, antevāsikā paññāvanto”ti.

13. Atha kho te bhikkhū bhagavato etamatthaṃ ārocesuṃ. “Saccaṃ kira bhikkhave, —pe— “Saccaṃ bhagavā”ti. —pe— Vigarahitvā dhammiṃ kathaṃ katvā bhikkhū āmantesi: “Na bhikkhave, bālena avyattena nissayo dātabbo. Yo dadeyya, āpatti dukkaṭassa. Anujānāmi bhikkhave, vyattena bhikkhunā paṭibalena dasavassena vā atirekadasavassena vā nissayaṃ dātun”ti.

Ācariyavattabhānavāraṃ niṭṭhitaṃ chaṭṭhaṃ.

8. Nay các tỳ khưu, người học trò là không đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học có nhiều lòng yêu mến, có nhiều đức tin, có nhiều nỗ lực, có nhiều kính trọng, (và) có nhiều sự rèn luyện. Nay các tỳ khưu, người học trò là không đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố này.

9. Nay các tỳ khưu, vị thầy dạy học là vượt qua quy định khi không đuổi đi, không vượt qua quy định khi đuổi đi người học trò có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều đức tin, không có nhiều nỗ lực, không có nhiều kính trọng, (và) không có nhiều sự rèn luyện. Nay các tỳ khưu, vị thầy dạy học là vượt qua quy định khi không đuổi đi, không vượt qua quy định khi đuổi đi người học trò có năm yếu tố này.

10. Nay các tỳ khưu, vị thầy dạy học là vượt qua quy định khi đuổi đi, không vượt qua quy định khi không đuổi đi người học trò có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học có nhiều lòng yêu mến, có nhiều đức tin, có nhiều nỗ lực, có nhiều kính trọng, (và) có nhiều sự rèn luyện. Nay các tỳ khưu, vị thầy dạy học là vượt qua quy định khi đuổi đi, không vượt qua quy định khi không đuổi đi người học trò có năm yếu tố này.”

11. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu ngu dốt thiếu kinh nghiệm (nghĩ rằng): “Ta được mười năm! Ta được mười năm!” rồi ban cho sự nương nhờ. (Các trường hợp) những thầy dạy học ngu dốt và các học trò sáng trí được phát hiện, những thầy dạy học thiếu kinh nghiệm và các học trò có kinh nghiệm được phát hiện, những thầy dạy học nghe ít và các học trò nghe nhiều được phát hiện, những thầy dạy học trí kém và các học trò trí tuệ được phát hiện.

12. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, –(như trên)– các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các vị tỳ khưu ngu dốt thiếu kinh nghiệm (nghĩ rằng): ‘Ta được mười năm! Ta được mười năm!’ rồi ban cho sự nương nhờ khiến (các trường hợp) những thầy dạy học ngu dốt và các học trò sáng trí được phát hiện, những thầy dạy học thiếu kinh nghiệm và các học trò có kinh nghiệm được phát hiện, những thầy dạy học nghe ít và các học trò nghe nhiều được phát hiện, những thầy dạy học trí kém và các học trò trí tuệ được phát hiện?”

13. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Nay các tỳ khưu, nghe nói –(như trên)– có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” –(như trên)– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Nay các tỳ khưu, vị ngu dốt thiếu kinh nghiệm không nên ban cho sự nương nhờ; vị nào ban cho thì phạm tội *dukkata*. Nay các tỳ khưu, ta cho phép vị tỳ khưu có kinh nghiệm đủ năng lực với mười năm hoặc trên mười năm được ban cho sự nương nhờ.”

Dứt tụng phẩm về phận sự đối với thầy dạy học là thứ sáu.

1. Tena kho pana samayena bhikkhū ācariyupajjhāyesu pakkantesupi vibbhantesupi kālakatesupi pakkhasaṅkantesupi nissayapaṭippassaddhiyo na jānanti. Bhagavato etamatthaṃ ārocesuṃ. “Pañcimā bhikkhave, nissayapaṭippassaddhiyo upajjhāyamhā: Upajjhāyo pakkanto vā hoti, vibbhanto vā, kālakato vā, pakkhasaṅkanto vā, āṇattiyeva pañcamī. Imā kho bhikkhave, pañca nissayapaṭippassaddhiyo upajjhāyamhā.

2. Chayimā bhikkhave, nissayapaṭippassaddhiyo ācariyamhā: Ācariyo pakkanto vā hoti, vibbhanto vā, kālakato vā, pakkhasaṅkanto vā, āṇattiyeva pañcamī, upajjhāyena vā samodhānagato hoti. Imā kho bhikkhave, cha nissayapaṭippassaddhiyo ācariyamhā.

3. Pañcahi bhikkhave, aṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Na asekhena sīlakkhandhena samannāgato hoti, na asekhena samādhikkhandhena samannāgato hoti, na asekhena paññākkhandhena samannāgato hoti, na asekhena vimuttikkhandhena samannāgato hoti, na asekhena vimuttiñāṇadassanakkhandhena samannāgato hoti. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

4. Pañcahi bhikkhave, aṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Asekhena sīlakkhandhena samannāgato hoti, asekhena samādhikkhandhena samannāgato hoti, asekhena paññākkhandhena samannāgato hoti, asekhena vimuttikkhandhena samannāgato hoti, asekhena vimuttiñāṇadassanakkhandhena samannāgato hoti. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

5. Aparehipi bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Attanā na asekhena sīlakkhandhena samannāgato hoti, na paraṃ asekhena sīlakkhandhe samādapetā; attanā na asekhena samādhikkhandhena samannāgato hoti, na paraṃ asekhena samādhikkhandhe samādapetā; attanā na asekhena paññākkhandhena samannāgato hoti, na paraṃ asekhena paññākkhandhe samādapetā; attanā na asekhena vimuttikkhandhena samannāgato hoti, na paraṃ asekhena vimuttikkhandhe samādapetā; attanā na asekhena vimuttiñāṇadassanakkhandhena samannāgato hoti, na paraṃ asekhena vimuttiñāṇadassanakkhandhe samādapetā. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

1. Vào lúc bấy giờ, trong khi các vị thầy dạy học và thầy tế độ rời đi, hoàn tục, từ trần, chuyển qua nhóm khác, các vị tỳ khưu không biết các trường hợp đình chỉ sự nương nhờ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, đây là năm trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy tế độ: Thầy tế độ rời đi, hoặc hoàn tục, hoặc từ trần, hoặc chuyển qua nhóm khác, hoặc sự ra lệnh (đuổi đi) là thứ năm. Này các tỳ khưu, đây là năm trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy tế độ.

2. Này các tỳ khưu, đây là sáu trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy dạy học: Thầy dạy học rời đi, hoặc hoàn tục, hoặc từ trần, hoặc chuyển qua nhóm khác, hoặc sự ra lệnh (đuổi đi) là thứ năm, hoặc đã được gặp lại thầy tế độ. Này các tỳ khưu, đây là sáu trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy dạy học.

3. Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không thành tựu vô học giới uẩn, không thành tựu vô học định uẩn, không thành tựu vô học tuệ uẩn, không thành tựu vô học giải thoát uẩn, không thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

4. Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn, thành tựu vô học giải thoát uẩn, thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

5. Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị bản thân không thành tựu vô học giới uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giới uẩn, bản thân không thành tựu vô học định uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học định uẩn, bản thân không thành tựu vô học tuệ uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học tuệ uẩn, bản thân không thành tựu vô học giải thoát uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giải thoát uẩn, bản thân không thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

6. Pañcahi bhikkhave, aṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Attanā na asekhena sīlakkhandhena samannāgato hoti, paraṃ aseke sīlakkhandhe samādapetā; attanā asekhena samādhikkhandhena samannāgato hoti, paraṃ aseke samādhikkhandhe samādapetā; attanā asekhena paññākkhandhena samannāgato hoti, paraṃ aseke paññākkhandhe samādapetā; attanā na asekhena vimuttikkhandhena samannāgato hoti, paraṃ aseke vimuttikkhandhe samādapetā; attanā na asekhena vimuttiñāṇadassanakkhandhena samannāgato hoti, paraṃ aseke vimuttiñāṇadassanakkhandhe samādapetā. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

7. Aparehipi bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Assaddho hoti, ahiriko hoti, anottāpī hoti, kusīto hoti, muṭṭhassati hoti. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

8. Pañcahi bhikkhave, aṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Saddho hoti, hirimā hoti, ottāpī¹ hoti, āradhaviṛiyo hoti, uppaṭṭhitasati hoti. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

9. Aparehipi bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Adhisīle sīlavipanno hoti, ajjhācāre ācāravipanno hoti, atiditṭhiyā ditṭhivipanno hoti, appassuto hoti, duppañño hoti. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

10. Pañcahi bhikkhave, aṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Na adhisīle sīlavipanno hoti, na ajjhācāre ācāravipanno hoti, na atiditṭhiyā ditṭhivipanno hoti, bahussuto hoti, paññavā hoti. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

¹ ottāpī - Ma, PTS; ottāpī ti Sihalakkharapotthakesu dissati.

6. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị bản thân thành tựu vô học giới uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giới uẩn, bản thân thành tựu vô học định uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học định uẩn, bản thân thành tựu vô học tuệ uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học tuệ uẩn, bản thân thành tựu vô học giải thoát uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giải thoát uẩn, bản thân thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giải thoát tri kiến uẩn. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

7. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không có đức tin, không có sự hổ thẹn (tội lỗi), không có sự ghê sợ (tội lỗi), biếng nhác, có niệm bị quên lãng. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

8. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị có đức tin, có sự hổ thẹn (tội lỗi), có sự ghê sợ (tội lỗi), có sự nỗ lực tinh tấn, có niệm được thiết lập. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

9. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới,¹ bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh,² bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan,³ ít học hỏi, trí kém. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

10. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, nghe nhiều, có trí tuệ. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích rằng tăng thượng giới (*adhisīla*) gồm có bốn tội *pārājika* và mười ba tội *saṅghādisesa*. (VinA. v, 989).

² Tăng thượng hạnh (*ajjhācāra*) là các tội khác thuộc về năm nhóm tội còn lại (Sđd.).

³ Tri kiến cực đoan (*atidiṭṭhi*) là từ bỏ chánh kiến và chấp nhận hữu biên kiến (Sđd.). Xem phần giải thích về hữu biên kiến (*antaggāhikā diṭṭhi*) ở *Paṭisambhidāmagga - Phân Tích Đạo tập 1* (TTPV 37, trang 286-295).

11. Aparehipi bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Na paṭibalo hoti antevāsiṃ vā saddhivihāriṃ vā gilānaṃ upaṭṭhātuṃ vā upaṭṭhāpetuṃ vā, anabhiratiṃ¹ vūpakāsetuṃ vā vūpakāsāpetuṃ vā, uppannaṃ kukkuccaṃ dhammato vinodetuṃ vā vinodāpetuṃ vā, āpattiṃ na jānāti, āpattiyā vuṭṭhānaṃ na jānāti. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

12. Pañcahi bhikkhave, aṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Paṭibalo hoti antevāsiṃ vā saddhivihāriṃ vā gilānaṃ upaṭṭhātuṃ vā upaṭṭhāpetuṃ vā, anabhiratiṃ¹ vūpakāsetuṃ vā vūpakāsāpetuṃ vā, uppannaṃ kukkuccaṃ dhammato vinodetuṃ vā vinodāpetuṃ vā, āpattiṃ jānāti, āpattiyā vuṭṭhānaṃ jānāti. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

13. Aparehipi bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Na paṭibalo hoti antevāsiṃ vā saddhivihāriṃ vā ābhisamācārikāya sikkhāya sikkhāpetuṃ, ādibrahmacariyikāya² sikkhāya vinetuṃ, abhidhamme vinetuṃ, abhivinaye vinetuṃ, uppannaṃ diṭṭhigataṃ dhammato vivecetūṃ. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

14. Pañcahi bhikkhave, aṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Paṭibalo hoti antevāsiṃ vā saddhivihāriṃ vā ābhisamācārikāya sikkhāya sikkhāpetuṃ, ādibrahmacariyikāya sikkhāya vinetuṃ, abhidhamme vinetuṃ, abhivinaye vinetuṃ, uppannaṃ diṭṭhigataṃ dhammato vivecetūṃ. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

¹ anabhirataṃ - Ma.

² ādibrahma cariyakāya - Ma.

11. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không có khả năng để phục vụ hoặc kiếm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, để làm cho dịu đi hoặc nhờ người làm cho dịu đi sự bức bối (ở đệ tử hay học trò), để làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan biến đúng theo Pháp nổi nghi hoặc đã sanh khởi (ở đệ tử hay học trò), không biết về sự phạm tội, không biết cách thoát khỏi tội. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

12. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị có khả năng để phục vụ hoặc kiếm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, để làm cho dịu đi hoặc nhờ người làm cho dịu đi sự bức bối (ở đệ tử hay học trò), để làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan biến đúng theo Pháp nổi nghi hoặc đã sanh khởi (ở đệ tử hay học trò), biết về sự phạm tội, biết cách thoát khỏi tội. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

13. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phạm sự căn bản,¹ để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh,² để hướng dẫn về Thắng Pháp, để hướng dẫn về Thắng Luật,³ để phân tách đúng theo Pháp xu hướng tà kiến đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

14. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phạm sự căn bản, để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, để hướng dẫn về Thắng Pháp, để hướng dẫn về Thắng Luật, để phân tách đúng theo Pháp xu hướng tà kiến đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích về các điều học thuộc về phạm sự căn bản (*abhisamācārikā sikkhā*) là các phạm sự được quy định ở trong *Khandhaka* tức là *Mahāvagga* - *Đại Phẩm* và *Cullavagga* - *Tiểu Phẩm* (VinA, v, 990).

² Còn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh (*ādibrahmacariyikā sikkhā*) là phần quy định dành cho bậc hữu học, tức là hai phần giới bốn *Pātimokkha* đã được quy định cho tỳ khưu và tỳ khưu ni (Sđd.).

³ Hướng dẫn về Thắng Pháp là có khả năng hướng dẫn về sự phân biệt Danh Sắc, và hướng dẫn về Thắng Luật là hướng dẫn về toàn bộ *Tạng Luật* (Sđd.).

15. Aparehipi bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Āpattiṃ na jānāti, anāpattiṃ na jānāti, lahukaṃ āpattiṃ na jānāti, garukaṃ āpattiṃ na jānāti, ubhayāni kho panassa pātimokkhāni vitthāre na svāgatāni honti na suvibhattāni na suppvattīni na suvinicchitāni suttaso anubyañjanaso. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

16. Pañcahi bhikkhave, aṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Āpattiṃ na jānāti, anāpattiṃ na jānāti, lahukaṃ āpattiṃ jānāti, garukaṃ āpattiṃ jānāti, ubhayāni kho panassa pātimokkhāni vitthārena svāgatāni honti suvibhattāni suppvattīni suvinicchitāni suttaso anubyañjanaso. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

17. Aparehipi bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Āpattiṃ na jānāti, anāpattiṃ na jānāti, lahukaṃ āpattiṃ na jānāti, garukaṃ āpattiṃ na jānāti, ūnadasavasso hoti. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

18. Pañcahi bhikkhave, aṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Āpattiṃ jānāti, anāpattiṃ jānāti, lahukaṃ āpattiṃ jānāti, garukaṃ āpattiṃ jānāti, dasavasso vā hoti atirekadasavasso vā. Imehi kho bhikkhave, pañcahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo ”ti.

**Upasampādetabba-
pañcakasoḷasavāraṃ niṭṭhitaṃ.¹**

¹ soḷasavāro niṭṭhito - Ma.

15. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng, hơn nữa đối với vị này hai bộ giới bốn *Pātimokkha* không khéo được truyền thừa một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo thuộc nằm lòng, không khéo được xác định theo từng điều học và từng phần phụ thuộc. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

16. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng, hơn nữa đối với vị này hai bộ giới bốn *Pātimokkha* khéo được truyền thừa một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo thuộc nằm lòng, khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

17. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng, chưa đủ mười năm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

18. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng, được mười năm hoặc hơn mười năm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.”

**Dứt mười sáu nhóm năm
của phần ‘Nên ban phép tu lên bậc trên.’**

1. Chahi bhikkhave, aṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Na asekhena sīlakkhandhena samannāgato hoti, na asekhena samādhikkhandhena samannāgato hoti, na asekhena paññākkhandhena samannāgato hoti, na asekhena vimuttikkhandhena samannāgato hoti, na asekhena vimuttiñāṇadassanakkhandhena samannāgato hoti, ūnadasavasso hoti. Imehi kho bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

2. Chahi bhikkhave, aṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Asekhena sīlakkhandhena samannāgato hoti, asekhena samādhikkhandhena samannāgato hoti, asekhena paññākkhandhena samannāgato hoti, asekhena vimuttikkhandhena samannāgato hoti, asekhena vimuttiñāṇadassanakkhandhena samannāgato hoti, dasavasso vā hoti atirekadasavasso vā. Imehi kho bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

3. Aparehipi bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Attanā na asekhena sīlakkhandhena samannāgato hoti, na paraṃ aseke sīlakkhandhe samādapetā; attanā na asekhena samādhikkhandhena samannāgato hoti, na paraṃ aseke samādhikkhandhe samādapetā; attanā na asekhena paññākkhandhena samannāgato hoti, na paraṃ aseke paññākkhandhe samādapetā; attanā na asekhena vimuttikkhandhena samannāgato hoti, na paraṃ aseke vimuttikkhandhe samādapetā; attanā na asekhena vimuttiñāṇadassanakkhandhena samannāgato hoti, na paraṃ aseke vimuttiñāṇadassanakkhandhe samādapetā; ūnadasavasso hoti. Imehi kho bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

4. Chahi bhikkhave, aṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Attanā asekhena sīlakkhandhena samannāgato hoti, paraṃ aseke sīlakkhandhe samādapetā; attanā asekhena samādhikkhandhena samannāgato hoti, paraṃ aseke samādhikkhandhe samādapetā; attanā asekhena paññākkhandhena samannāgato hoti, paraṃ aseke paññākkhandhe samādapetā; attanā asekhena vimuttikkhandhena samannāgato hoti, paraṃ aseke vimuttikkhandhe samādapetā; attanā asekhena vimuttiñāṇadassanakkhandhena samannāgato hoti, paraṃ aseke vimuttiñāṇadassanakkhandhe samādapetā; dasavasso vā hoti atirekadasavasso vā. Imehi kho bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

1. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không thành tựu vô học giới uẩn, không thành tựu vô học định uẩn, không thành tựu vô học tuệ uẩn, không thành tựu vô học giải thoát uẩn, không thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn, chưa đủ mười năm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

2. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn, thành tựu vô học giải thoát uẩn, thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn, được mười năm hoặc hơn mười năm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

3. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị bản thân không thành tựu vô học giới uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giới uẩn, bản thân không thành tựu vô học định uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học định uẩn, bản thân không thành tựu vô học tuệ uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học tuệ uẩn, bản thân không thành tựu vô học giải thoát uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giải thoát uẩn, bản thân không thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giải thoát tri kiến uẩn, chưa đủ mười năm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

4. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị bản thân thành tựu vô học giới uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giới uẩn, bản thân thành tựu vô học định uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học định uẩn, bản thân thành tựu vô học tuệ uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học tuệ uẩn, bản thân thành tựu vô học giải thoát uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giải thoát uẩn, bản thân thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giải thoát tri kiến uẩn, được mười năm hoặc hơn mười năm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

5. Aparehipi bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Assaddho hoti, ahiriko hoti, anottapī hoti, kusīto hoti, muṭṭhassati hoti, ūnadasavasso hoti. Imehi kho bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

6. Chahi bhikkhave, aṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Saddho hoti, hirimā hoti, ottāpī hoti, āradhaviṛiyo hoti, uppaṭṭhitasati hoti, dasavasso vā hoti atirekadasavasso vā. Imehi kho bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

7. Aparehipi bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Adhisīle sīlavipanno hoti, ajjhācāre ācāravipanno hoti, atidiṭṭhiyā diṭṭhivipanno hoti, appassuto hoti, duppañño hoti, ūnadasavasso hoti. Imehi kho bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

8. Chahi bhikkhave, aṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Na adhisīle sīlavipanno hoti, na ajjhācāre ācāravipanno hoti, na atidiṭṭhiyā diṭṭhivipanno hoti, bahussuto hoti, paññavā hoti, dasavasso vā hoti atirekadasavasso vā. Imehi kho bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

9. Aparehipi bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Na paṭibalo hoti antevāsīṃ vā saddhivihāriṃ vā gilānaṃ upaṭṭhātuṃ vā upaṭṭhāpetuṃ vā, anabhiratiṃ vūpakāsetuṃ vā vūpakāsāpetuṃ vā, uppannaṃ kukkucchaṃ dhammato vinodetuṃ vā vinodāpetuṃ vā, āpattiṃ na jānāti, āpattiyā vuṭṭhānaṃ na jānāti, ūnadasavasso hoti. Imehi kho bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

5. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không có đức tin, không có sự hổ thẹn (tội lỗi), không có sự ghê sợ (tội lỗi), biếng nhác, có niệm bị quên lãng, chưa đủ mười năm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

6. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị có đức tin, có sự hổ thẹn (tội lỗi), có sự ghê sợ (tội lỗi), có sự nỗ lực tinh tấn, có niệm được thiết lập, được mười năm hoặc hơn mười năm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

7. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, ít học hỏi, trí kém, chưa đủ mười năm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

8. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, nghe nhiều, có trí tuệ, được mười năm hoặc hơn mười năm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

9. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không có khả năng để phục vụ hoặc kiếm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, để làm cho đi hoặc nhờ người làm cho đi sự bực bội (ở đệ tử hay học trò), để làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan biến đúng theo Pháp nổi nghi hoặc đã sanh khởi (ở đệ tử hay học trò), không biết về tội, không biết cách thoát khỏi tội, chưa đủ mười năm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

10. Chahi bhikkhave, aṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Paṭibalo hoti antevāsiṃ vā saddhivihāriṃ vā gilānaṃ upaṭṭhātumaṃ vā upaṭṭhāpetumaṃ vā, anabhiratiṃ vūpakāsetumaṃ vā vūpakāsāpetumaṃ vā, uppannaṃ kukkucchaṃ dhammato vinodetumaṃ vā vinodāpetumaṃ vā, āpattiṃ jānāti, āpattiyā vuttānaṃ jānāti, dasavasso vā hoti atirekadasavasso vā. Imehi kho bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

11. Aparehipi bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Na paṭibalo hoti antevāsiṃ vā saddhivihāriṃ vā ābhisamācārikāya sikkhāya sikkhāpetumaṃ, ādibrahmacariyikāya sikkhāya vinetumaṃ, abhidhamme vinetumaṃ, abhivinaye vinetumaṃ, uppannaṃ diṭṭhigataṃ dhammato vivecetumaṃ, ūnadasavasso hoti. Imehi kho bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

12. Chahi bhikkhave, aṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Paṭibalo hoti antevāsiṃ vā saddhivihāriṃ vā ābhisamācārikāya sikkhāya sikkhāpetumaṃ, ādibrahmacariyikāya sikkhāya vinetumaṃ, abhidhamme vinetumaṃ, abhivinaye vinetumaṃ, uppannaṃ diṭṭhigataṃ dhammato vivecetumaṃ, dasavasso vā hoti atirekadasavasso vā. Imehi kho bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

13. Aparehipi bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Āpattiṃ na jānāti, anāpattiṃ na jānāti, lahukaṃ āpattiṃ na jānāti, garukaṃ āpattiṃ na jānāti, ubhayāni kho panassa pātimokkhāni vitthārena na svāgatāni honti na suvibhattāni na suppvattīni na suvinicchitāni suttaso anubyañjanaso, ūnadasavasso hoti. Imehi kho bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā na upasampādetabbaṃ, na nissayo dātabbo, na sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo.

10. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị có khả năng để phục vụ hoặc kiếm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, để làm cho dịu đi hoặc nhờ người làm cho dịu đi sự bức bối (ở đệ tử hay học trò), để làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan biến đúng theo Pháp nổi nghi hoặc đã sanh khởi (ở đệ tử hay học trò), biết về tội, biết cách thoát khỏi tội, được mười năm hoặc hơn mười năm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

11. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phạm sự căn bản, để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, để hướng dẫn về Thắng Pháp, để hướng dẫn về Thắng Luật, để phân tách đúng theo Pháp xu hướng tà kiến đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò, chưa đủ mười năm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

12. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phạm sự căn bản, để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, để hướng dẫn về Thắng Pháp, để hướng dẫn về Thắng Luật, để phân tách đúng theo Pháp xu hướng tà kiến đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò, được mười năm hoặc hơn mười năm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

13. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng, hơn nữa đối với vị này hai bộ giới bốn *Pātimokkha* không khéo được truyền thừa một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo thuộc nằm lòng, không khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc, chưa đủ mười năm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

14. Chahi bhikkhave, aṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo: Āpattiṃ jānāti, anāpattiṃ jānāti, lahukaṃ āpattiṃ jānāti, garukaṃ āpattiṃ jānāti, ubhayāni kho panassa pātimokkhāni vitthārena svāgatāni honti suvibhattāni suppavattīni suvinicchitāni suttaso anubyañjanaso, dasavasso vā hoti atirekadasavasso vā. Imehi kho bhikkhave, chahaṅgehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbaṃ, nissayo dātabbo, sāmaṇero upaṭṭhāpetabbo”ti.

**Upasampādetabba-
chakkacuddasavāraṃ niṭṭhitam.**

14. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng, hơn nữa đối với vị này hai bộ giới bốn *Pātimokkha* khéo được truyền thừa một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo thuộc nằm lòng, khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc, được mười năm hoặc hơn mười năm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.”

**Dứt mười bốn nhóm sáu
của phần ‘Nên ban phép tu lên bậc trên.’**
